

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Tên viết tắt: LAWACO

Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

Điện thoại: 072.3825.114

Fax: 072.3826.040

Website: www.lawaco.com.vn

Người công bố thông tin: Cao Duy Thanh

Chức danh: Trưởng ban kiểm soát

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/3/2024 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Long An, ngày 14 tháng 03 năm 2024

Người được ủy quyền công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Cao Duy Thanh

Phụ lục IV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Long An, ngày 14 tháng 03 năm 2024

Số: 422.../BC-LAW

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
- Giấy CNĐKDN: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 5/9/2023.
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 73.200.000.000 (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
- Số điện thoại: 0272.3825.114
- Số Fax: 0272.3826.040
- Website: www.lawaco.com.vn
- Mã cổ phiếu: LAW
- Quá trình hình thành và phát triển

1956	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m ³ /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.

2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m ³ /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An
2016	Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức vốn điều lệ 122 tỷ đồng.
2021	Ngày 02/12/2021 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6
2023	Ngày 05/09/2023 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

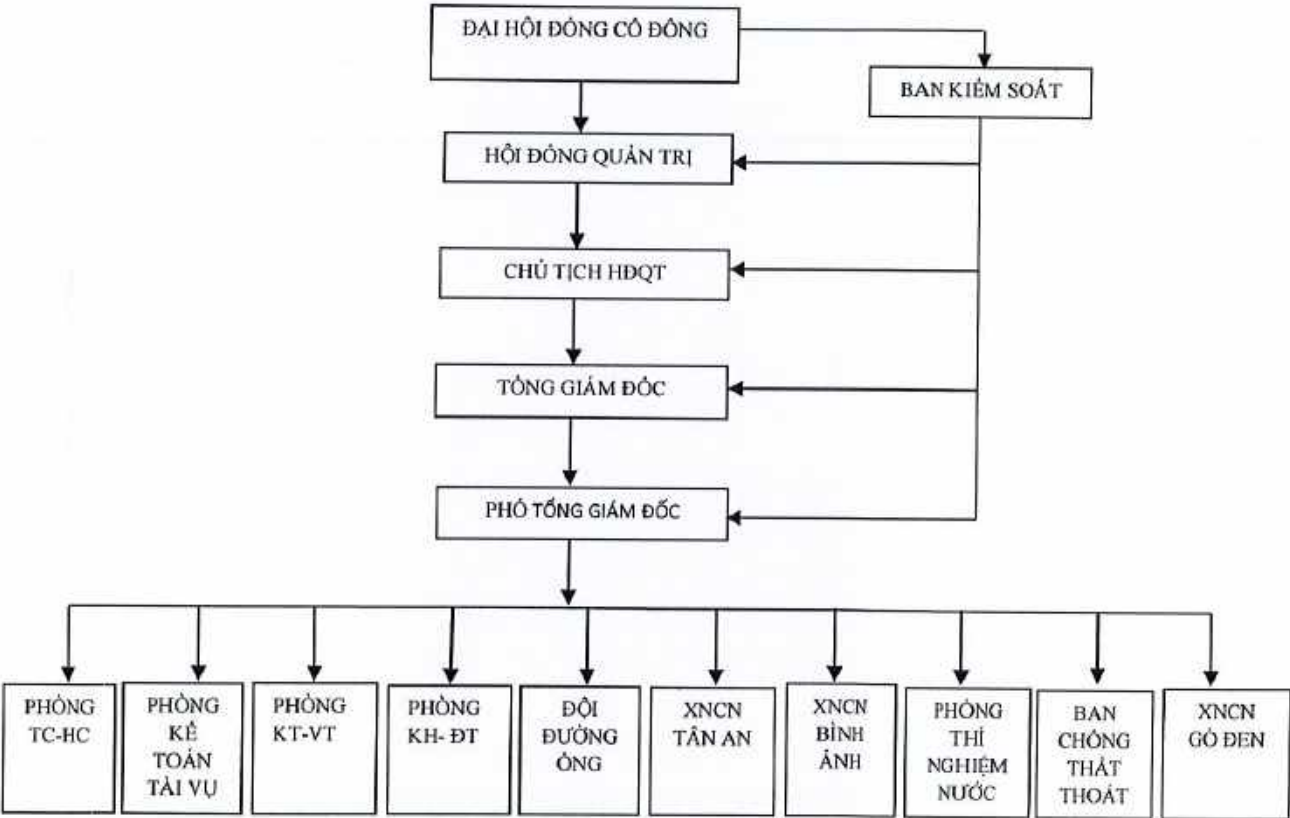
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
3	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai	1104
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành nước	4663
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
7	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho điện lực “trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu điện hạt nhân”	3512
8	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3811
9	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp	3821
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước, lắp đặt thiết bị công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Lập dự toán và tổng hợp dự toán công trình xây dựng. Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn đấu thầu.	7110
11	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (chính)
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm	
--	--

- Địa bàn kinh doanh: TP Tân An, bao gồm 9 phường và các xã Bình Tâm, Lợi Bình Nhơn, An Vĩnh Ngãi, Hướng Thọ Phú, Nhơn Thạnh Trung, huyện Thủ Thừa, huyện Tân Trụ, một phần huyện Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- * Mô hình quản trị Công ty:
 - Đại hội Đồng Cổ đông
 - Hội đồng quản trị
 - Ban kiểm soát
 - Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật
- * Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2024:
 - Tổng doanh thu: 281,6 tỷ đồng trong đó:
 - + Doanh thu nước: 265 tỷ đồng;
 - + Doanh thu đường ống: 16,3 tỷ đồng;

- Sản lượng nước ghi thu: 23.560 ngàn m³;
- Lợi nhuận trước thuế: 18,5 tỷ đồng
- Phát triển khách hàng đến 31/12/2024 đạt 47.000 khách hàng.
- Ưu tiên phát triển nguồn cung cấp nước sạch, mở rộng phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước tại các khu vực thành phố Tân An, huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc.
- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 9\%$.
- Ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, thân thiện môi trường tiết kiệm năng lượng trong hệ thống quản lý cấp nước của Công ty
- + *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Đảm bảo hệ thống cấp nước an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước.

Công tác phát triển nguồn nước đi đôi với công tác bảo vệ môi trường tại các xí nghiệp trực thuộc

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.
- Duy trì, tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp, thiết thực chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro kinh tế

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Long An quyết định, chưa được tính đúng, tính đủ, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty. Suy thoái kinh tế do ảnh hưởng địa chính trị dẫn đến ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

5.2. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

5.3. Rủi ro về môi trường

- Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	261.211	277.784	106,3
Nước	Đồng	246.000	254.287	103,4
Đường ống	Đồng	15.000	23.148	154,3
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.200	17.560	108,4

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

- Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5b Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phiếu, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38%VDL

- Họ và tên: Trương Ngọc Thùy Trang - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cần Giuộc, Long An

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, Phường 7, Quận Tân Bình, TPHCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, kỹ sư Môi trường

Đại diện sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VDL

- Họ và tên: Lưu Văn Cận – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phiếu, chiếm 0,006% VDL

- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.400 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.400 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ông Phạm Quốc Thắng - Chủ tịch Hội đồng quản trị nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/9/2023 (miễn nhiệm ngày 30/8/2023)

+ Ông Nguyễn Bảo Tùng - Tổng giám đốc (miễn nhiệm Tổng giám đốc từ ngày 30/8/2023)

+ Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 30/8/2023)

+ Bà Trương Ngọc Thùy Trang - Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 30/8/2023)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	151	100
1	Trình độ đại học và sau đại học	53	35,1
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	32	21,2
3	Trình độ khác	66	43,7
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	151	100
1	Hợp đồng không thời hạn	134	88,7
2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,7
3	Hợp đồng có thời hạn	16	10,6

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua

Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLD trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm. Hàng năm nâng lương đúng thời hạn cho người lao động v.v...

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV người lao động trong toàn Công ty.

- Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2021	5,17	Trả bằng tiền
2	2022	6,07	Trả bằng tiền
3	2023	Dự kiến 6,68	Không chia cổ tức năm 2023, chuyển sang nguồn vốn đầu tư xây dựng năm 2024

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Đầu tư phát triển:

Trong năm 2023 công ty đã đầu tư được 07 công trình với giá trị 30.212 triệu đồng, bao gồm phát triển được >66km đường ống các loại từ D63-D315 góp phần mở rộng vùng phục vụ cấp nước của Công ty.

b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	327,159	314,118	-0,039
Doanh thu thuần	245,134	277,784	0,133
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,402	14,538	-0,056
Lợi nhuận khác	-47	3,022	100
Lợi nhuận trước thuế	15,355	17,560	0,144
Lợi nhuận sau thuế	13,794	14,828	7,5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	55%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: + Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH / Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,41 0,17	0,46 0,27	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn : + Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản x100% + Hệ số nguồn vốn chủ sở hữu = Nguồn vốn CSH/Σnguồn vốn x100%	0,49 0,51	0,45 0,55	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động : + Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay vốn kinh doanh = Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	8,42 0,77	11,65 0,87	
Các chỉ tiêu sinh lời: + Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH = Lợi nhuận sau thuế/vốn CSHx100%	0,08	0,09	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông: tính đến ngày 18/10/2023

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	143	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	141	236.260	2.362.600.000	1,94%
2	Cổ đông tổ chức	02			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần Tổng công ty nước – Môi trường Bình Dương		4.643.740	4.643.740.000	38,06%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		143	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các loại chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Nguyên vật liệu	DVT	SL sử dụng	Ghi chú
01	Clo khử trùng	Kg	27.250	
02	PAC	Kg	31.950	

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch và văn phòng: 5.190.861 KW/năm.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn;

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do đặc thù của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, tuy nhiên do tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến nguồn nước mặt và hiện tượng suy thoái, mực nước ngầm khai thác sâu hơn nhưng vẫn phải thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Long An về việc hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm, đưa nguồn nước ngầm vào dự trữ, chuyển dần sang khai thác nước mặt xử lý cung cấp cho người dân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng chung của ngành cấp nước.

- Nguồn khai thác nước 11.984.000m³;

- Nguồn nước mặt mua từ Biwase - Long An: 13.744.000 m³;

- Lượng nước ghi thu: 22.875.000 m³

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Anh, 1 tháng thu hồi được 7.200 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 151 người, mức lương trung bình: 15.774.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thăm tặng quà cho hộ nghèo nhân dịp Tết nguyên đán trên địa bàn TP Tân An, huyện Tân Trụ, Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Hưng giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn đứng chân v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	261.211	277.784	106,3
Nước	Đồng	246.000	254.287	103,4
Đường ống	Đồng	15.000	23.148	154,3
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.200	17.560	108,4

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu ĐHCĐ giao như: Sản lượng, doanh thu, nghĩa vụ với ngân sách.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

+ Tỷ lệ % tài sản dài hạn cuối kỳ giảm 1,89% so với tài sản dài hạn đầu kỳ, nguyên nhân: Trong năm tài sản đưa vào sử dụng SXKD được trích khấu hao 35 tỷ 082 triệu đồng, tài sản dài hạn giảm 5,4 tỷ đồng. Để đáp ứng có nguồn nước sạch phục vụ cho vùng nông thôn theo chỉ đạo của UBND tỉnh Long An và đề nghị của các địa phương, Công ty đã cân đối nguồn chủ yếu mở rộng mạng lưới cung cấp nước và đưa vào sử dụng với giá trị TSCĐ hơn 54 tỷ đồng. TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 94 tỷ 597 triệu đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/12/2023 lần lượt là 257,842 tỷ đồng và 279,176 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ % tài sản ngắn hạn cuối kỳ giảm 18,6% so với tỷ lệ % tài sản ngắn hạn đầu kỳ, nguyên nhân: hàng tồn kho giảm, công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; số dư nợ còn phải thu đến 31/12/23 hơn 11,5 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tỷ lệ % nợ phải trả cuối kỳ giảm 11% nợ phải trả đầu kỳ do:

+ Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn cuối kỳ giảm 28,2% so với đầu kỳ, gồm:

- * Phải trả cho người bán ngắn hạn giảm 927 triệu đồng
- * Người mua trả tiền trước giảm 130 triệu đồng
- * Vay và nợ ngắn hạn giảm 31 tỷ 583 triệu đồng
- * Các khoản phải trả ngắn hạn khác tăng 876 triệu đồng
- * Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 1 tỷ 277 triệu đồng
- * Phải trả người lao động tăng 2 tỷ 231 triệu đồng
- + Các khoản phải trả dài hạn cuối kỳ tăng 17,35% so với đầu kỳ, gồm:
 - * Vay và nợ dài hạn tăng 10 tỷ 931 triệu đồng
 - * Phải trả dài hạn khác giảm 539 triệu đồng
- + Vốn chủ sở hữu tăng 2,64% trong đó: Quỹ đầu tư phát triển tăng 4 tỷ 448 triệu đồng.

Trong năm 2023 Công ty đã trả nợ vay dài hạn các năm trước khi đến hạn 11 tỷ 752 triệu đồng. Vay dài hạn để mở rộng sản xuất 22 tỷ 683 triệu đồng. Số liệu báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty kiểm toán Vaco phân tích, các khoản nợ phải trả của Công ty đều trong tầm kiểm soát có khả năng thanh toán và không có phát sinh nợ xấu.

- Chỉ tiêu thanh toán: Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ổn định rất khả quan, bảo đảm khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2024:

- Tổng doanh thu: 281,6 tỷ đồng trong đó:
 - + Doanh thu nước: 265 tỷ đồng;
 - + Doanh thu đường ống: 16,3 tỷ đồng;
- Sản lượng nước ghi thu: 23.560 ngàn m³;
- Lợi nhuận trước thuế: 18,5 tỷ đồng

Duy trì tỷ lệ thất thoát của Công ty và lượng nước thu hồi để cấp lại hệ thống mạng lưới cấp nước

Đánh giá và thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tối đa công suất của các nhà máy, trạm cấp nước ngầm đã được cấp phép.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty: (không có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ của Lãnh đạo tỉnh, Sở, Ngành và chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

- Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát cùng với sự phối hợp hiệu quả giữa các phòng, ban, đội, xí nghiệp trực thuộc Công ty, sự đoàn kết nội bộ và tinh thần chủ động, trách nhiệm, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao của tập thể CB CNV Công ty.

- Công ty ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với các địa phương làm cơ sở định hướng đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước hàng năm, trung hạn và dài hạn.

- Hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch được duy trì ổn định, xuyên suốt, an toàn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

1.2. Khó khăn:

- Biến đổi khí hậu khiến nước ngầm bị suy thoái về lưu lượng và chất lượng, nước mặt thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến nguồn nước đầu vào, làm tăng chi phí xử lý nước của Công ty.

- Nguồn nước khai thác tự chủ gặp nhiều khó khăn và còn nhiều bất cập do cơ chế, thủ tục cấp phép kéo dài,... gần 55% sản lượng phải mua từ Nhà máy nước Nhì Thành thuộc Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An.

- Đặc thù của tỉnh Long An có nhiều đơn vị cấp nước đóng trên địa bàn tỉnh, thậm chí trong cùng một vùng có hai, ba đơn vị cùng cung cấp dịch vụ cấp nước, từ đó xảy ra cạnh tranh vùng cấp nước với các doanh nghiệp tư nhân như . Trong khi đó, giá nước cho các doanh nghiệp lại khác nhau. Công tác quy hoạch phân vùng cấp nước chưa rõ ràng, nhất quán, còn tồn tại nhiều đơn vị cấp nước trên cùng khu vực.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Ban điều hành thực hiện họp giao ban 1 lần/ tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Các thành viên trong Ban điều hành hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công, có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2024:

* Công việc chính cần thực hiện:

- Tổng doanh thu: 281,6 tỷ đồng trong đó:

+ Doanh thu nước: 265 tỷ đồng;

+ Doanh thu đường ống: 16,3 tỷ đồng;

- Sản lượng nước ghi thu: 23.560 ngàn m³;

- Lợi nhuận trước thuế: 18,5 tỷ đồng

- Phát triển khách hàng đến 31/12/2024 đạt 47.000 khách hàng.

- Ưu tiên phát triển nguồn cung cấp nước sạch, mở rộng phát triển mạng lưới tuyến ống cấp nước tại các khu vực thành phố Tân An, huyện Bến Lức, Thủ Thừa, Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc.

- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước của Công ty $\leq 9\%$.

- Ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, thân thiện môi trường tiết kiệm năng lượng trong hệ thống quản lý cấp nước của Công ty

4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023: (đính kèm phụ lục số III)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành (miễn nhiệm từ 30/8/2023)
2	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên điều hành điều hành, (miễn nhiệm TGD từ 30/8/2023)
	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành (Bỏ nhiệm CT HĐQT từ ngày 30/8/2023)
3	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành

4	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành (bầu bổ sung từ 30/8/2023)
5	Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành, bầu bổ sung từ 26/4/2023
6	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành, bầu bổ sung từ 26/4/2023
7	Lều Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm từ 26/4/2023)
8	Trịnh Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành, (miễn nhiệm từ 26/4/2023)

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080077008895 ngày cấp 24/7/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư

2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến 2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến tháng 10/2022	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
Từ tháng 11/2022 đến 30/8/2023	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc
Từ 30/8/2023 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT- người đại diện theo pháp luật- Bí thư Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Lê Ngọc Lan Thảo	Vợ	100	0,00082 %

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lưu Văn Cần

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080079018157 ngày cấp 22/11/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Đảng ủy viên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T11/2022 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Đảng ủy viên Đảng bộ cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 700 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trương Ngọc Thùy Trang

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1990

Giới tính: Nữ

Số CCCD: 079190003557 ngày cấp 12/10/2022 - nơi cấp Cục CSDKQG về dân cư

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 25 Trần Triệu Luật, P7, Quận Tân Bình, TP HCM.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5- T8/2016	Viện nghiên cứu Fraunhofer về Kinh tế năng lượng và công nghệ Hệ thống năng lượng (IEE), Kassel, Đức	Thực tập sinh
T02/2017- T12/2019	Công ty tư vấn đa quốc gia ENEA Consulting Pty Ltd, Melbourne, Úc	Chuyên viên tư vấn
T03/2020-	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật

T7/2020	xây dựng Điện 2	
T7/2020- T4/20212	Ban QKDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Trưởng phòng Kỹ thuật
T05/2021- T8/2023	Ban QLDA EPC, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Phó Giám đốc
Từ 28/6/2021 - 8/2023	Công ty cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Tổng giám đốc – Người đại diện pháp luật (kiêm nhiệm)
Từ 9/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, kiêm PTGD

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Mai Song Hào

Ngày tháng năm sinh: 25/10/1981

Giới tính: Nam

Số CCCD: 070081004589 ngày cấp 11/8/2022 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 67^E/73 khu phố Bình Đường 4, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

+ Trung cấp cấp thoát nước;

+ Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước cần thơ 2

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước gia tân

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần công trình đô thị thủ thừa

- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước quảng bình

- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần biwase quảng bình

- Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp thoát nước cần thơ

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2013	Trưởng chi nhánh Thuận An- Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Trưởng phòng Kinh doanh
T11/2013- T5/2017	Chi nhánh Cấp nước khu Liên Hợp- Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Giám đốc
T6/2017- 5/2018	Chi nhánh Cấp nước Thuận An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T6/2018- T03/2022	Chi nhánh Cấp nước Dĩ An - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc
T3/2022- T2/2023	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh Cấp nước Dĩ An
T2/2023- Nay	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Tổng giám đốc
26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Trần Tấn Lợi

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1978

Giới tính: Nam

Số CCCD: 080078003704 ngày cấp 26/4/2021 - nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: số 06 đường số 01, KDC Phường 3, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn:

+ Kỹ sư điện Công nghiệp;

+ Thạc sĩ Cấp thoát nước.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT,

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước Biwase

- Long An

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T01/2001- T12/2004	Công ty cổ phần Cơ khí Long An	Nhân viên
T12/2004- T5/2019	Xí nghiệp CN Gò Đen thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Giám đốc
T5/2019- 10/2021	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Quản đốc
T10/2021- T2/2023	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP- Long An	Giám đốc
T2/2023 – Nay	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước Biwase – Long An	Phó TGD
T2/2023- Nay	Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó Tổng giám đốc
26/4/2023 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	81/NQCN-HĐQT	2/02/2023	Nghị quyết về việc thống nhất thông qua thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.	5/5
02	Biên bản họp HĐQT	15/5/2023	Thông qua phương án kinh doanh 2023 của Công ty, kế hoạch vay vốn và bảo đảm cấp tín dụng tại	5/5

			VietinBank- CN Long An	
03	96/BB. HĐQT	01/7/2023	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực Phường 5 và xã Lợi Bình Nhơn TP Tân An, các vấn đề vay vốn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An để thực hiện đầu tư công trình	5/5
04	97/NQCN-HĐQT	7/7/2023	Nghị quyết về việc thông qua triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2023	5/5
05	106/NQCN-HĐQT	5/9/2023	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Công ty	5/5
06	108/NQCN-HĐQT	25/9/2023	Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2023 và chi trả cổ tức năm 2022	5/5
07	113/NQCN-HĐQT	26/10/2023	Nghị quyết về việc thống nhất đầu tư tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường tỉnh 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch – Long Hòa đến khu đô thị Quốc tế 5 sao (ĐT835B) và đến ranh thành phố Hồ Chí Minh	5/5
08	117/BB. HĐQT	12/12/2023	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường tỉnh 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch – Long Hòa đến công khu công nghiệp Cầu Tràm), các vấn đề vay vốn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An để thực hiện dự án đầu tư công trình	5/5

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Nguyễn Bảo Tùng – Chủ tịch HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	Bầu bổ sung từ 17/11/2023
2	Trương Thị Lê Khanh	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	Bầu bổ sung từ 26/4/2023

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Cao Duy Thanh

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1984

- Nơi sinh: BV Từ Dũ – Tp HCM

- Số CCCD: 080084018275 Ngày cấp: 15/8/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 92/1D Nguyễn Cửu Vân, phường 4, TP Tân An, Long An

- Số điện thoại: 0908128028

- Địa chỉ email: duythanh999@gmail.com

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân QTKD, Cử nhân CNTT.

- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2008	Công ty TNHH EMSVN-TPHCM	Nhân viên
2008-8/2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (TRACODI)	Nhân viên
9/2010-3/2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên

4/2018-6/2019	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
7/2019-10/2023	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	TP Tổ chức – Hành chính
11/2023- nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng BKS kiêm trưởng phòng TC-HC

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5000 cổ phần, chiếm 0,04% VDL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- **Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh

- Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974

- Giới tính: Nữ

- CCCD: 024174002819 ngày cấp 26/04/2021 – Cục QLHCTTXH

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: Bắc Giang

- Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường 3, TPTA, Long An.

- Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.900 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát

- **Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Nguyễn Đình Tuấn

- Ngày tháng năm sinh: 18/12/1980

- Giới tính: Nam

- Số CCCD: 038080026864 ngày cấp 12/8/2021 –Nơi cấp Cục CSQLHC& TTXH.
 - Dân tộc: Kinh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Quê quán: Thanh Hóa
 - Địa chỉ thường trú: 46/6 khu phố 3, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Cấp thoát nước
 - Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Long An
 - Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
 Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T1/2001- T3/2021	Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó phòng Kinh doanh- TP chống thất thoát
T3/2021- T2/2023	Chi nhánh cấp nước Bầu Bàng - Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Phó giám đốc chi nhánh
T2/2023 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP-Long An	Phó tổng giám đốc

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định. Ban kiểm soát tổ chức kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trên cơ sở báo cáo tài chính đã lập hàng quý, năm nhằm thẩm định, đánh giá lại mức độ chính xác, tính cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chỉ có Trưởng ban làm chuyên trách, các thành viên còn lại kiêm nhiệm, cho nên việc kiểm tra đa phần là chuyên trách giám sát. Việc tổ chức họp của Ban được diễn ra không thường xuyên mà chỉ định kỳ 02 lần/năm theo quy định. Nội dung các cuộc họp trao đổi lẫn nhau trong quá trình kiểm tra, giám sát, đề xuất ý kiến của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2023	Ghi chú
01	Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	783.723.040	Điều hành
02	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	714.321.668	Điều hành
03	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	183.837.120	Điều hành
04	Mai Song Hào	Thành viên HĐQT	18.000.000	Không điều hành
05	Trần Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	18.000.000	Không điều hành
06	Cao Duy Thanh	Trưởng BKS	320.352.450	
07	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên BKS	12.000.000	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	277.994.353	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bảo Tùng

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày 17 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2023)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An
- Điện thoại: 0272.3825.114 Fax: 0272.3826.040 Email: info@lawaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: LAW
- Mô hình quản trị công ty:
 - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
 - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	93/NQCN-ĐHĐCĐ	26/4/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
02	105/NQCN-ĐHĐCĐ	30/8/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2023
03	116/NQCN-ĐHĐCĐ	17/11/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023

II. Hội đồng quản trị (năm 2023):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ/ (thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/ HDQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch	30/8/2023	
02	Ông Lưu Văn Cần	Thành viên điều hành	17/11/2022	
03	Ông Mai Song Hào	Thành viên không điều hành	26/4/2023	
04	Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên không điều hành	26/4/2023	
05	Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên điều hành	30/8/2023	
06	Ông Trịnh Kiên	Thành viên không điều hành		26/4/2023
07	Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên không điều hành		26/4/2023
08	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch		30/8/2023

2. Các cuộc họp HDQT: trong năm HDQT tổ chức được 08 cuộc họp

Stt	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Bảo Tùng	8/8	100%	
02	Ông Lưu Văn Cần	8/8	100%	
03	Mai Song Hào	7/8	87,5%	Bầu bổ sung từ ngày 26/4/2023
04	Trần Tấn Lợi	7/8	87,5%	Bầu bổ sung từ ngày 26/4/2023
05	Trương Ngọc Thùy Trang	4/8	50%	Bầu bổ sung từ ngày 30/8/2023
06	Ông Phạm Quốc Thắng	4/8	50%	Miễn nhiệm từ 30/8/2023
07	Ông Lều Mạnh Huy	1/8	12,5%	Miễn nhiệm từ 26/4/2023
08	Ông Trịnh Kiên	1/8	12,5%	Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023



3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, từ đó đưa ra chỉ đạo kịp thời, đúng hướng.

- Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý Công ty thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị, điều hành mọi hoạt động SX – KD, công tác đầu tư với những biện pháp hữu hiệu.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An trong năm không quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình nào:

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2023):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	81/NQCN-HĐQT	2/02/2023	Nghị quyết về việc thống nhất thông qua thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.	5/5
02	Biên bản họp HĐQT	15/5/2023	Thông qua phương án kinh doanh 2023 của Công ty, kế hoạch vay vốn và bảo đảm cấp tín dụng tại VietinBank- CN Long An	5/5
03	96/BB. HĐQT	01/7/2023	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực Phường 5 và xã Lợi Bình Nhơn TP Tân An, các vấn đề vay vốn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An để thực hiện đầu tư công trình	5/5
04	97/NQCN-HĐQT	7/7/2023	Nghị quyết về việc thông qua triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2023	5/5
05	106/NQCN-HĐQT	5/9/2023	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Tổng giám đốc và bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Công ty	5/5
06	108/NQCN-HĐQT	25/9/2023	Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2023 và chi trả cổ tức năm 2022	5/5
07	113/NQCN-HĐQT	26/10/2023	Nghị quyết về việc thống nhất đầu tư tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường kính 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch – Long Hòa đến khu đô thị Quốc tế 5 sao (ĐT835B) và đến ranh thành phố Hồ Chí Minh	5/5
08	117/BB. HĐQT	12/12/2023	Thông qua việc thực hiện đầu tư dự án: Tuyến ống cấp nước truyền tải HDPE D400, D315 đường kính 826 (đoạn từ ranh xã Tân Trạch – Long Hòa đến công khu công nghiệp Cầu Tràm), các vấn đề vay vốn Quỹ đầu	5/5

			tu phát triển tỉnh Long An để thực hiện dự án đầu tư công trình	
--	--	--	---	--

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2023):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Cao Duy Thanh	Trưởng ban	Bầu bổ sung ngày 17/11/2023	Cử nhân Luật, CN Quản trị kinh doanh, CN CNTT
02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên	26/4/2019	Cử nhân kế toán
03	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Bầu bổ sung ngày 26/4/2023	Cử nhân Cấp thoát nước
04	Phan Thùy Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/4/2023	Cử nhân kinh tế
05	Ông Võ Minh Thái	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17/11/2023	Cử nhân kinh tế

2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông Võ Minh Thái	1/2	50%	3/3	Miễn nhiệm từ ngày 17/11/2023
02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	2/2	100%	3/3	
03	Bà Phan Thùy Giang	0/2	0%	3/3	Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023
04	Nguyễn Đình Tuấn	2/2	50%	3/3	Bầu bổ sung ngày 26/4/2023
05	Cao Duy Thanh	1/2	50%	3/3	Bầu bổ sung ngày 17/11/2023

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý, năm theo quy định Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của

HDQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Giám sát Ban điều hành:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm của quyền hạn rõ ràng;

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Điều hành Công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty;

Ban điều hành họp giao ban 1 lần/tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HDQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HDQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;

- HDQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HDQT cho BKS;

- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD;

- HDQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): không có

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
01	Ông Phạm Quốc Thắng	19/11/1962	Thạc sĩ QTKD, kỹ sư địa chất	Miễn nhiệm ngày 30/8/2023
02	Ông Nguyễn Bảo Tùng	14/5/1977	Thạc sĩ, kỹ sư kỹ thuật môi trường	Bổ nhiệm ngày 26/4/2019
03	Ông Lưu Văn Cận	20/8/1979	kỹ sư kỹ thuật môi trường	Bổ nhiệm ngày 01/11/2022
04	Bà Trương Ngọc Thùy Trang	14/11/1990	Thạc sĩ, kỹ sư môi trường	Bổ nhiệm ngày 30/8/2023

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Quốc Phong	19/10/1977	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 26/4/2019

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HDQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: không



VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2023) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty).

1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
-----	---------------------	--	------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---	---	-------	-----------------------------------

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
	Công ty Biwase - Long An	Liên quan với người nội bộ			Năm 2023	105/NQCN-ĐHĐCĐ, ngày 30/8/2023	94.268.174.593 đồng tiền mua nước	

Ghi chú: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2023)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (đính kèm)

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	Nguyễn Bảo Tùng		TV HĐQT T- TGD					
	Nguyễn Minh Châu		Cha ruột					
	Nguyễn Thị Ni		Mẹ ruột					
	Lê Ngọc Lan Thảo		Vợ					
	Nguyễn Bảo Trường		Con ruột					
	Nguyễn Bảo Tín		Con ruột					
	Nguyễn Thị Thanh Trúc		Chị ruột					
	Nguyễn Thanh Tùng		Anh ruột					
	Nguyễn Minh Tùng		Anh ruột					
	Nguyễn Thị Thanh Ly		Chị ruột					
	Nguyễn Văn Tùng		Anh ruột					
	Nguyễn Thị Thanh Tâm		Em ruột					
	Trần Hoàng Hoành		Anh rể					
	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		Chị dâu					
	Dương Thị Ngọc Hợp		Chị dâu					
	Cao Văn Cường		Anh rể					
	Nguyễn Thị Bích Vân		Chị dâu					
	Nguyễn Phú Cường		Em rể					
02	Lưu Văn Cần		TV HĐQT-kiêm PTGD					



	Trần Hồng Nhung		Vợ				
	Lưu Ngọc Quỳnh		Con				
	Lưu Văn Tới		Cha ruột				
	Mai Thị Trù		Mẹ ruột				
	Lưu Văn Muôn		Anh ruột				
	Phạm Thị Gái		Chị dâu				
	Lưu Văn Tâm		Em ruột				
	Ngô Ngọc Cẩm Giang	058C650 770	Em dâu				
	Lưu Văn Tý		Em ruột				
	Trần Hồng Quang		Cha vợ				
	Nguyễn Thị Liên		Mẹ vợ				
	Trần Lan Hương		Em vợ				
03	Mai Song Hào		TV HĐQT				
	Nguyễn Thị Bích Liên		Vợ				
	Mai Nguyễn Gia Hân		Con				
	Mai Nguyễn Phúc Khang		Con				
	Mai Minh Hùng		Cha ruột				
	Lã Thị Thơm		Mẹ ruột				
	Mai Thị Kiều Oanh		Chị ruột				
	Mai Thị Hồng		Em ruột				
	Mai Thiên Hoàng		Em ruột				
	Bùi Đức Cảnh		Anh rể				
	Nguyễn Thị Kiều Mộng		Em dâu				
	Lê Ngọc Hưng		Em rể				
	Hồ Thị Bích Thủy		Mẹ vợ				
04	Trần Tấn Lợi		TV HĐQT				

LI
N
P
HO
N
AN

	Nguyễn Thị Trúc Mai		Vợ				
	Trần Việt Nam		Con				
	Trần Hoàn Mỹ		Con				
	Trần Văn Xuyên		Cha ruột				
	Ngô Thị Màu		Mẹ ruột				
	Trần Thị Tuyết Thu		Chị ruột				
	Trần Tấn Lộc		Em ruột				
	Lê Thị Tiêm		Em dâu				
	Nguyễn Văn Minh		Anh vợ				
	Nguyễn Ngọc Minh		Anh vợ				
05	Trương Ngọc Thùy Trang		Thành viên HDQT kiêm PTGD				
	Trương Hòa Bình		Cha ruột				
	Nguyễn Minh Phương		Mẹ ruột				
	Trương Trung Thành		Anh ruột				
	Lâm Thanh Hằng		Chị dâu				
06	Cao Duy Thanh	058C62 2069	Trưởng BKS				
	Cao Minh Thiện		Con				
	Cao Thiên Phúc		Con				
	Lâm Kim Tuyết		Mẹ ruột				
	Cao Như Thanh		Em ruột				
	Trần Thị Phi		Vợ				
	Trần Văn Uôi		Cha vợ				
	Đặng Thị Đào		Mẹ vợ				
	Trần Thị Bé Uyên		Em vợ				

	Phan Kim Tuyền	Em rể					
	Trần Thị Khánh Ly	Em vợ					
	Danh Chánh Thi	Em rể					
	Trần Thị Mai	Chị vợ					
	Trần Văn Lĩnh	Anh vợ					
	Lê Thị Đào	Chị dâu					
	Trần Văn Bích	Anh vợ					
	Lý Minh Thùy	Chị dâu					
07	Nguyễn Đình Tuấn	TVBKS					
	Võ Thị Chanh	Vợ					
	Nguyễn Thị Yên Nhi	Con					
	Nguyễn Đình Đạt	Con					
	Nguyễn Đình Thắng	Bố ruột					
	Trần Thị Hương	Mẹ ruột					
	Nguyễn Thị Hòa	Chị ruột					
	Nguyễn Văn Đồng	Anh rể					
	Võ Quang Châu	Bố vợ					
	Đậu Thị Tứ	Mẹ vợ					
	Võ Quang Trung	Anh vợ					
	Hồ Thị Hòe	Chị dâu					
	Võ Thị Liên	Chị vợ					
	Đình Xuân Tư	Anh rể					
	Võ Quang Thanh	Anh vợ					
	Đình Oánh Mỹ	Chị dâu					
	Võ Quang Kính	Em vợ					

	Lê Thị Hương		Em dâu				
08	Trương Thị Khanh	058C627456	TV BKS				
	Trương Văn Khang		Cha ruột				
	Nguyễn Thị Lại		Mẹ ruột				
	Trương Thị Oanh		Chị ruột				
	Trương Thị Huyền Trang		Em ruột				
09	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng				
	Nguyễn Văn Quan		Cha ruột				
	Cao Thị Tiên		Mẹ ruột				
	Nguyễn Quốc Hùng		Anh ruột				
	Nguyễn Quốc Vũ		Anh ruột				
	Nguyễn Hoàng Diên Khánh		Con ruột				
	Nguyễn Minh Khôi		Con ruột				

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Cao Duy Thanh	Người nội bộ	3400	0,028	5000	0,04	mua
02	Nguyễn Quốc Phong	Người nội bộ	4100	0,03	1400	0,01	bán
03	Ngô Ngọc Cẩm Giang	Người liên quan	100	0,008	3600	0,029	Mua, bán

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TKHQDT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Bảo Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Kiểm toán
- Tư vấn Thuế
- Tư vấn Tài chính
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Audit
- Tax advisory
- Financial advisory
- Valuation

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 2 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 29

100
CỔ
CƠ
CẤP
TP. T.

100
CỔ
CƠ
CẤP
TP. T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bảo Tùng

Ông Phạm Quốc Thắng

Bà Trương Ngọc Thùy Trang

Ông Mai Song Hào

Ông Trần Tấn Lợi

Ông Lê Mạnh Huy

Ông Trịnh Kiên

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)

Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bảo Tùng

Ông Lưu Văn Căn

Bà Trương Ngọc Thùy Trang

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2023)

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2023)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
LONG AN
T. LONG AN

SỐ: 019 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024



Phạm Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.188.105.551	40.789.768.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.458.731.389	4.077.871.145
1. Tiền	111		4.110.722.909	3.742.275.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		348.008.480	335.595.575
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.092.306	110.669.500
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		116.092.306	110.669.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.672.381.464	11.610.610.110
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.514.967.751	6.977.520.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.482.888.702	1.865.389.874
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.732.991.834	2.966.388.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(58.466.823)	(198.688.262)
IV. Hàng tồn kho	140	7	13.642.333.229	23.687.192.231
1. Hàng tồn kho	141		19.327.302.790	23.687.192.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.684.969.561)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		298.567.163	1.303.425.606
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		298.567.163	1.303.425.606
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.930.882.446	286.369.369.925
I. Tài sản cố định	220		279.176.368.929	257.842.432.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	277.688.533.964	256.346.597.828
- Nguyên giá	222		640.214.802.910	583.790.346.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.526.268.946)	(327.443.748.612)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.487.834.965	1.495.834.969
- Nguyên giá	228		2.041.741.000	2.041.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(553.906.035)	(545.906.031)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	27.473.246.079
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	27.473.246.079
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.754.513.517	1.053.691.049
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.754.513.517	1.053.691.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		314.118.987.997	327.159.138.517

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		141.280.044.735	158.768.617.150
I. Nợ ngắn hạn	310		70.992.418.354	98.872.928.639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	39.082.482.507	40.009.201.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	2.317.792.100	2.448.207.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.732.536.807	1.455.263.601
4. Phải trả người lao động	314		3.779.312.898	1.547.504.908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		494.795.463	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	8.919.215.742	8.042.540.849
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	11.752.000.000	43.335.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.914.282.837	2.035.209.889
II. Nợ dài hạn	330		70.287.626.381	59.895.688.511
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	13.770.122.543	14.309.184.673
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	56.517.503.838	45.586.503.838
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.838.943.262	168.390.521.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	172.838.943.262	168.390.521.367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.838.943.262	46.390.521.367
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		314.118.987.997	327.159.138.517
(440 = 300 + 400)				



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		277.784.765.820	247.196.058.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.061.569.395
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	277.784.765.820	245.134.488.974
4. Giá vốn hàng bán	11	20	217.597.497.266	192.621.193.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.187.268.554	52.513.295.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.203.063	23.845.278
7. Chi phí tài chính	22	22	5.874.167.868	5.303.421.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.874.167.868	5.303.421.631
8. Chi phí bán hàng	25	23	19.540.018.805	13.091.194.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	20.261.996.439	18.739.793.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.538.288.505	15.402.730.852
11. Thu nhập khác	31		3.964.805.830	882.213.809
12. Chi phí khác	32		942.447.444	929.657.070
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.022.358.386	(47.443.261)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.560.646.891	15.355.287.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.732.573.908	1.560.602.829
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.828.072.983	13.794.684.762
17. Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu	70	25	1.033	938



Nguyễn Bảo Tùng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong
 Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.560.646.891	15.355.287.591
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	35.090.520.338	33.145.480.366
- Các khoản dự phòng	03	5.544.748.122	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.203.063)	(23.845.278)
- Chi phí lãi vay	06	5.874.167.868	5.303.421.631
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	64.042.880.156	53.780.344.310
Vốn lưu động			
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.916.691.472)	(888.773.750)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.359.889.441	(1.635.163.672)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải	11	20.711.265.480	6.889.590.697
trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(700.822.468)	224.251.710
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.379.372.405)	(5.303.421.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(883.433.662)	(1.249.732.043)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.345.138.000)	(1.757.662.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	77.888.577.070	50.059.433.621
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.464.037.811)	(41.116.842.571)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.422.806)	(10.669.500)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.203.063	23.845.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.442.257.554)	(41.103.666.793)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	94.322.034.213	123.244.371.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(114.974.034.213)	(129.583.199.817)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.413.459.272)	(6.283.185.812)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.065.459.272)	(12.622.014.629)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	380.860.244	(3.666.247.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.077.871.145	7.744.118.946
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.458.731.389	4.077.871.145



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05/9/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 143 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 144 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Bán điện cho điện lực (trừ truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1500
TY
I AN
T NƯỚC
AN
LONG

NH H T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến nay mới phát sinh giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm hiện hành.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm phát sinh khoản giảm giá.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày trở thành	Ngày chấm dứt
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn	-	-
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Cổ đông lớn	31/5/2023	-
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An (tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An)	Công ty con của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	31/5/2023	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Cổ đông lớn chi phối gián tiếp	-	25/5/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Cổ đông lớn (Công ty con của Nhựa Đồng Nai)	-	25/5/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	-	25/5/2023
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt	-	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		-	-

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	438.644.721	35.060.242
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.672.078.188	3.707.215.328
Các khoản tương đương tiền	348.008.480	335.595.575
Cộng	4.458.731.389	4.077.871.145

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của bên liên quan	12.530.000	10.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền dịch vụ xét nghiệm nước	12.530.000	10.640.000
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là đối tượng khác	11.502.437.751	6.966.880.329
Khách hàng cung cấp nước	9.357.470.053	4.066.980.284
Khách hàng khác	2.144.967.698	2.899.900.045
Cộng	11.514.967.751	6.977.520.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	769.720.000	-	802.647.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	560.541.245	-	720.051.937	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	401.453.765	-	835.959.056	-
Ký cược, ký quỹ	1.276.824	-	592.500.414	-
Các khoản phải thu khác		-	15.229.762	-
Cộng	1.732.991.834	-	2.966.388.169	-

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.524.382.920	(5.684.969.561)	22.884.272.361	-
Chi phí SXKD dở dang	802.919.870	-	802.919.870	-
Cộng	19.327.302.790	(5.684.969.561)	23.687.192.231	-

Tình hình biến động chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	5.684.969.561	-
Số cuối năm	5.684.969.561	-

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.684.969.561 VND (năm 2022: 0 VND). Lý do dẫn đến trích lập dự phòng hàng tồn kho là nguyên vật liệu tồn đọng, dẫn đến mất phẩm chất.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một số nguyên vật liệu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Số đầu năm	212.569.786.767	Nhà cửa, vật kiến trúc	VND	Máy móc, thiết bị	VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND	Thiết bị dụng cụ quản lý	VND	Tổng cộng	VND
- Mua sắm mới	-	-	118.100.000	35.585.639.875	332.028.278.126	3.606.641.672	583.790.346.440	118.100.000			
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.563.914.334	862.995.001	53.879.447.135	36.566.734.876	385.907.725.261	3.606.641.672	640.214.802.910	56.306.356.470			
Số cuối năm	214.133.701.101	36.566.734.876	385.907.725.261	36.566.734.876	385.907.725.261	3.606.641.672	640.214.802.910	56.306.356.470			

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	161.888.199.507	31.068.799.785	132.203.771.252	2.282.978.068	327.443.748.612
- Khấu hao trong năm	10.349.195.773	1.944.525.457	22.274.864.018	513.935.086	35.082.520.334
Số cuối năm	172.237.395.280	33.013.325.242	154.478.635.270	2.796.913.154	362.526.268.946

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	50.681.587.260	4.516.840.090	199.824.506.874	1.323.663.604	256.346.597.828
Số cuối năm	41.896.305.821	3.553.409.634	231.429.089.991	809.728.518	277.688.533.964

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 94.597.098.442 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 68.724.699.306 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 16) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 01 năm 2023 là 149.060.699.025 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 118.520.869.868 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
Số cuối năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	-	507.106.031	38.800.000	545.906.031
- Khấu hao trong năm	-	8.000.004	-	8.000.004
Số cuối năm	-	515.106.035	38.800.000	553.906.035
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	1.477.835.000	17.999.969	-	1.495.834.969
Số cuối năm	1.477.835.000	9.999.965	-	1.487.834.965

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy Công ty không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 483.906.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 483.906.000 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	-	7.175.219.112
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	-	5.634.729.629
Công trình: Lắp hệ thống giám sát khai thác tài nguyên	-	2.287.829.455
Công trình khác	-	12.375.467.883
Cộng	-	27.473.246.079

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:

Số đầu năm	27.473.246.079
Tăng trong năm	28.833.110.391
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	56.306.356.470
Số cuối năm	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Là chi phí sửa chữa tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	22.433.055.052	22.433.055.052	52.295.901	52.295.901
Công ty Cổ phần Nước Bivase - Long An (tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An) - tiền mua nước	22.433.055.052	22.433.055.052	52.295.901	52.295.901
b) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác	16.649.427.455	11.775.187.965	39.956.906.066	39.956.906.066
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	2.640.790.820	2.640.790.820	5.713.566.880	5.713.566.880
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam	2.233.448.670	2.233.448.670	-	-
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	-	-	7.497.098.000	7.497.098.000
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	-	-	6.085.508.000	6.085.508.000
Sửa chữa nâng công suất Nhà máy nước Tân An	-	-	5.548.345.214	5.548.345.214
Công ty TNHH TM DV SX Bình An An	-	-	2.891.068.243	2.891.068.243
Phải trả người bán khác	11.775.187.965	11.775.187.965	12.221.319.729	12.221.319.729
Cộng	39.082.482.507	34.208.243.017	40.009.201.967	40.009.201.967

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	727.607.100	727.607.100
Công trình: Dự án di dời nút giao Hùng Vương - QL62 - BQLDA TP	635.244.000	635.244.000
Công trình: Thi công dự án khu nhà vườn trung tâm Garden Central Park - An Hòa	528.163.000	528.163.000
Khách hàng khác	426.778.000	557.193.325
Cộng	2.317.792.100	2.448.207.425

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.674.631.272	1.674.631.272	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.602.829	2.732.573.908	883.433.662	2.509.743.075
Thuế thu nhập cá nhân	643.791.992	1.383.537.797	2.002.735.569	24.594.220
Thuế tài nguyên	150.868.780	2.226.104.878	2.178.774.146	198.199.512
Các loại thuế khác	-	159.607.366	159.607.366	-
Cộng	1.455.263.601	8.176.455.221	6.899.182.015	2.732.536.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.919.215.742	8.042.540.849
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	8.143.659.626	7.401.678.758
Phải trả phí bảo vệ môi trường	775.556.116	640.862.091
b) Dài hạn	13.770.122.543	14.309.184.673
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bản giao tài sản cố định (i)	12.154.262.000	12.154.262.000
Phải trả khác	1.615.860.543	2.154.922.673
Cộng	22.689.338.285	22.351.725.522

- (i) Đây là giá trị tài sản cố định: "Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An" theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.

0150
CÔNG TY
HỮU
HẠN
CẤP THOÁT
NƯỚC
LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	11.752.000.000	11.752.000.000	114.974.034.213	83.391.034.213	43.335.000.000	43.335.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	-	-	100.239.034.213	68.139.034.213	32.100.000.000	32.100.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tư T&D Việt Nam	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	5.322.000.000	5.322.000.000	6.430.000.000	5.322.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (iii)	6.430.000.000	6.430.000.000	4.805.000.000	6.430.000.000	4.805.000.000	4.805.000.000
b) Vay dài hạn	56.517.503.838	56.517.503.838	11.752.000.000	22.683.000.000	45.586.503.838	45.586.503.838
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	26.856.076.838	26.856.076.838	5.322.000.000	-	32.178.076.838	32.178.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (iii)	29.661.427.000	29.661.427.000	6.430.000.000	22.683.000.000	13.408.427.000	13.408.427.000
Cộng	68.269.503.838	68.269.503.838	126.726.034.213	106.074.034.213	88.921.503.838	88.921.503.838

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh khai thác và cung cấp nước sạch. Lãi suất vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ, lãi quá hạn bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho là các nguyên vật liệu sử dụng trong ngành cấp thoát nước với tổng giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bảo gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bản Cao).
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống D110 CN cho 3 xã Bình Đức, Thạnh Hòa, Thạnh Lợi.
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Cải tạo hệ thống mạng lưới TOCN thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận huyện Tân Trụ.
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).
- Mục đích vay để đầu tư thực hiện công trình tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho các xã Thạnh Đức, Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu và khu vực lân cận huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225, D315 đường huyện 17 (đoạn từ Tỉnh lộ 833B đến UBND xã Long Sơn).
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160, D110, D63 các đường hẻm khu vực phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, xã Bình Tâm, Tp. Tân An, tỉnh Long An.
 - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước sạch cấp cho người dân dọc theo tuyến đường tỉnh 818, đường cấp bờ kênh Thủ Thừa (Khu phố ấp Nhà Dài), thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư khu Hành chính tỉnh (Khu tái định cư Đồng Tâm), phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D160 và D63 đường Mai Bá Hương.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư số 01 phường Khánh Hậu, Tp. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước sạch cho người dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An).

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường tỉnh 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét). Thời hạn vay 7 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Xây lắp tuyến ống cấp nước phân phối, dịch vụ cho Tp. Tân An năm 2021.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt Tê xả cận trên mạng lưới cấp nước địa bàn Thành phố Tân An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống phân phối nước sạch cho khu vực xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường tỉnh 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét).

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5, xã Nhơn Trạch Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 7 năm, lãi suất 6.3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bao gồm:

Hợp đồng thế chấp máy bơm thiết bị số 04/2023/HĐTC-QĐTPT ngày 08/09/2023:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Châu Thị Kim (hai bên tuyến đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 1.130.163.568 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Trần Trung Tam (cư xá phường 3), phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, với giá trị là 1.168.575.086 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Lê Anh Xuân, hẻm 40 đường Nguyễn Thái Bình, hẻm 46 đường Lê Anh Xuân, hẻm 81 đường Nguyễn Công Trung, phường 1, phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, giá trị là 926.830.232 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Nguyễn Văn Cương (hai bên tuyến đoạn từ đường Quốc lộ 1 đến đường Phạm Văn Ngộ), đường Phạm Văn Ngộ (hai bên tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Chương đến đường Trần Văn Đẩu), đường Quốc lộ 1 (bên trái tuyến đoạn từ số nhà 1111 đến cầu Tân Hương), phường Tân Khánh, Tp. Tân An, Tỉnh Long An, với giá trị 2.142.906.147 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Đinh viết cừu GD4 (đoạn từ công Bình Tâm đến ranh ấp 1), xã Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 889.685.088 VND.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 05/2023/HĐTC-QĐTPT:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản, công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5 và xã Nhơn Trạch, Thành phố Tân An.

010
NG
PH
DÁT N
G A
T. LO



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	11.752.000.000	11.235.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.914.076.838	34.336.000.000
Sau năm năm	10.603.427.000	11.250.503.838
Cộng	68.269.503.838	56.821.503.838
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	11.752.000.000	11.235.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	56.517.503.838	45.586.503.838

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>LNST</u>	<u>Cộng</u>
	chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	42.353.241.367	-	164.353.241.367
Lãi trong năm	-	-	13.794.684.762	13.794.684.762
Trích cổ tức	-	-	(7.401.678.758)	(7.401.678.758)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.037.280.000	(4.037.280.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.018.639.780)	(2.018.639.780)
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	-	-	(337.086.224)	-
Số dư đầu năm nay	122.000.000.000	46.390.521.367	-	168.390.521.367
Lãi trong năm	-	-	14.828.072.983	14.828.072.983
Trích cổ tức (i)	-	-	(8.155.440.140)	(8.155.440.140)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	4.448.421.895	(4.448.421.895)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.224.210.948)	(2.224.210.948)
Số dư cuối năm nay	122.000.000.000	50.838.943.262	-	172.838.943.262

- (i) Công ty tạm trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 theo Tờ trình số 84/CV-KTTV ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	46.437.400.000	38,1%	-	0,0%
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	-	0,0%	45.324.400.000	37,2%
Cổ đông khác	2.362.600.000	1,9%	3.475.600.000	2,8%
Cộng	122.000.000.000	100%	122.000.000.000	100%

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 7.413.459.272 VND (năm trước là 6.283.185.812 VND).

18. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

19. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước và xét nghiệm nước	254.636.703.205	226.470.030.192
Doanh thu lắp đặt đường ống	23.148.062.615	20.726.028.177
Cộng	277.784.765.820	247.196.058.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2.061.569.395
- Giảm giá hàng bán	-	2.061.569.395
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	277.784.765.820	245.134.488.974

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	202.345.478.019	174.740.790.609
Giá vốn lắp đặt đường ống	15.252.019.247	17.880.403.197
Cộng	217.597.497.266	192.621.193.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.679.177.810	30.657.959.444
Chi phí nhân công	39.819.705.112	36.344.221.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.090.520.338	33.145.480.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.601.196.735	110.767.305.575
Chi phí bằng tiền khác	21.664.164.393	14.340.134.696
Cộng	251.854.764.388	225.255.101.639

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.874.167.868	5.303.421.631
Cộng	5.874.167.868	5.303.421.631

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	10.254.644.383	9.463.247.082
Chi phí dự phòng	(140.221.439)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	10.147.573.495	9.276.546.873
Cộng	20.261.996.439	18.739.793.955
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	8.192.391.015	7.278.249.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.347.627.790	5.812.944.037
Cộng	19.540.018.805	13.091.194.008

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.560.646.891	15.355.287.591
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.241.181.896	-
Thu nhập chịu thuế	18.801.828.787	15.355.287.591
Thu nhập chịu thuế suất 20%	8.523.910.289	250.740.703
Thu nhập chịu thuế suất 10%	10.277.918.498	15.104.546.888
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.732.573.908	1.560.602.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	14.828.072.983	13.794.684.762
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	2.224.210.948	2.018.639.780
Trừ Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính làm giảm	-	337.086.224
Lợi nhuận sau thuế		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.603.862.035	11.438.958.758
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.033	938
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	68.269.503.838	88.921.503.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	4.077.871.145
Nợ thuần	63.810.772.449	84.843.632.693
Vốn chủ sở hữu	172.838.943.262	168.390.521.367
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,37	0,50

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	4.077.871.145	4.458.731.389	4.077.871.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.419.772.762	8.942.573.236	12.419.772.762	8.942.573.236
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116.092.306	110.669.500	116.092.306	110.669.500
Tổng cộng	16.994.596.457	13.131.113.881	16.994.596.457	13.131.113.881
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	68.269.503.838	88.921.503.838	68.269.503.838	88.921.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	61.771.820.792	62.360.927.489	61.771.820.792	62.360.927.489
Chi phí phải trả	494.795.463	-	494.795.463	-
Tổng cộng	130.536.120.093	151.282.431.327	130.536.120.093	151.282.431.327

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	-	-	4.458.731.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.419.772.762	-	-	12.419.772.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116.092.306	-	-	116.092.306
Tổng cộng	16.994.596.457	-	-	16.994.596.457
Số cuối năm				
Các khoản vay	11.752.000.000	45.914.076.838	10.603.427.000	68.269.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.001.698.249	13.770.122.543	-	61.771.820.792
Chi phí phải trả	494.795.463	-	-	494.795.463
Tổng cộng	60.248.493.712	59.684.199.381	10.603.427.000	130.536.120.093
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.253.897.255)	(59.684.199.381)	(10.603.427.000)	(113.541.523.636)
	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.871.145	-	-	4.077.871.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.942.573.236	-	-	8.942.573.236
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.669.500	-	-	110.669.500
Tổng cộng	13.131.113.881	-	-	13.131.113.881
Số đầu năm				
Các khoản vay	43.335.000.000	34.336.000.000	11.250.503.838	88.921.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.051.742.816	14.309.184.673	-	62.360.927.489
Tổng cộng	91.386.742.816	48.645.184.673	11.250.503.838	151.282.431.327
Chênh lệch thanh khoản thuần	(78.255.628.935)	(48.645.184.673)	(11.250.503.838)	(138.151.317.446)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 05, 12, 15, 16 và 17; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
UBND tỉnh Long An		
Chia cổ tức	4.443.240.000	4.367.473.343
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP		
Chia cổ tức	-	2.704.277.443
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương		
Chia cổ tức	2.818.750.180	-
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam		
Vay tiền	3.500.000.000	-
Trả tiền vay	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An (tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An)		
Tiền mua nước	107.284.698.802	99.335.272.070
Thanh toán tiền mua nước	90.268.174.593	104.249.739.773

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	747.000.000	480.000.000
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	624.000.000	519.000.000
Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	79.000.000	368.000.000
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	609.125.000	83.000.000
Bà Trương Ngọc Thủy Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	175.000.000	-
Ông Cao Duy Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	60.432.308	-
Ông Võ Minh Thái	Trưởng Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm)	628.600.000	441.000.000
Ông Nguyễn Quốc Phong	Kế toán trưởng	722.000.000	441.000.000
Cộng		<u>3.645.157.308</u>	<u>2.332.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.311.650.000 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 24.824.477.420 VND là số tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm trước đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/(Giảm) các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 494.795.463 VND là số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/(Giảm) các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 8.143.659.626 VND là số cổ tức năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 7.401.678.758 VND là số cổ tức năm trước được thanh toán trong năm nay, do vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Bảo Tùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên
Người lập biểu

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Văn phòng Bình Dương

Số 12, đường số 5, tổ 19,
Khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

11th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-28 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Binh Duong Office

No. 12, Street 5, Group 19,
Quarter 3, Chanh Nghia Ward
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Long An, ngày 04 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cấp thoát nước Long An thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

- Mã chứng khoán: LAW
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, TPTA, Long An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0272.3825.114- Fax: 0272.3826.040
- Email: info@Lawaco.com.vn Website: http://lawaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTT được kiểm toán năm 2022):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

